

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**Tại đơn vị/CBCCVCLĐ: Thanh tra Sở**

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Ghi chú
<b>I/</b>	<b>CÁC QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC, PHÊ DUYỆT QTNB</b> (kể cả các quyết định bổ sung, sửa đổi TTHC, QTNB)		
	Tên Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh, bao gồm các TTHC sau:	Số, ngày	
<b>1.1</b>	<b>Tên TTHC 1.1 – Lĩnh vực Bồi thường của Nhà nước (02 TTHC)</b>	Ghi mã số TTHC	Số, ngày, cơ quan ban hành Quyết định phê duyệt QTNB; số lượng QTNB cho giải quyết TTHC này
1.1.1	Thủ tục phục hồi danh dự	2.002191	1790/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 (01 quy trình – mã: BTP-KHA-277434-02)
1.1.2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002192	1790/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 (01 quy trình – mã: BTP-KHA-277433-02)
<b>1.2</b>	<b>Tên TTHC 1.2 – Lĩnh vực Tiếp công dân</b>	Ghi mã số TTHC	Số, ngày, cơ quan ban hành Quyết định phê duyệt QTNB; số lượng QTNB cho giải quyết TTHC này
	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	1.010943	2543/QĐ-UBND ngày 13/9/2022
<b>1.3</b>	<b>Tên TTHC 1.3 – Lĩnh vực giải quyết khiếu nại tại cấp tỉnh (02 TTHC)</b>		
1.3.1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	2.002407	2543/QĐ-UBND ngày 13/9/2022
1.3.2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	2.002411	2543/QĐ-UBND ngày 13/9/2022
<b>1.4</b>	<b>Tên TTHC 1.4 – Lĩnh vực Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh</b>		
	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	2.002394	3236/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 (01 quy trình – mã: 2.002394); tuy nhiên đã bị bãi bỏ tại QĐ 2543/QĐ-UBND ngày 13/9/2022
<b>1.5</b>	<b>Tên TTHC 1.5 – Lĩnh vực xử lý đơn tại cấp tỉnh</b>		
	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	2.002499	2543/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 (07 quy trình – mã: 2.002499-01; 2.002499-02 2.002499-03; 2.002499-04; 2.002499-05;

			2.002499-06; 2.002499-07)
<b>II/</b>	<b>CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN CHO VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực 1 - Bồi thường của Nhà nước (02 TTHC)</b>		
<i>1.1.1</i>	<i>Thủ tục phục hồi danh dự</i>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>
	- Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017;	- 10/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
	- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018;	- 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
	- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018;	- 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
	- Quyết định số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018.	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 của Bộ Tư pháp	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
<i>1.1.2</i>	<i>Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại</i>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>
	- Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017;	- 10/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
	- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018;	- 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
	- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018;	- 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của	- Hiệu lực ngày 01/7/2018

		Bộ Tư pháp	
	- Quyết định số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018.	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 của Bộ Tư pháp	- Hiệu lực ngày 01/7/2018
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực 2 (Lĩnh vực Tiếp công dân)</b>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>
	- Luật Tiếp công dân năm 2013;	Số: 42/2013/QH13, ngày 25/11/2013 của Quốc hội	Hiệu lực ngày 01/7/2014
	- Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân	64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ	Hiệu lực ngày 15/8/2014
	- Thông tư 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân	04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ	Hiệu lực ngày 15/11/2021
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực 3 – Lĩnh vực giải quyết khiếu nại</b>		
<i>3.1.1</i>	<i>Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh</i>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>
	- Luật Khiếu nại năm 2011	02/2011/QH13, ngày 11/11/2011 của Quốc hội	Hiệu lực ngày 01/7/2012
	- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.	124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ	Hiệu lực ngày 10/12/2020
<i>3.1.2</i>	<i>Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh</i>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>

	- Luật Khiếu nại năm 2011	02/2011/QH13, ngày 11/11/2011 của Quốc hội	Hiệu lực ngày 01/7/2012
	- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.	124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ	Hiệu lực ngày 10/12/2020
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực 4 – Lĩnh vực Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh</b>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>
	- Luật Tố cáo năm 2018;	25/2018/QH14, ngày 12/6/2018 của Quốc hội	Hiệu lực ngày 01/01/2019
	- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo	31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ	Hiệu lực ngày 28/5/2019
<b>5</b>	<b>Lĩnh vực 5 – Lĩnh vực xử lý đơn tại cấp tỉnh</b>		
	<b>Văn bản</b>	<b>Số, ngày, cơ quan ban hành</b>	<b>Hiệu lực ngày, thay thế cho Văn bản số</b>
	- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;	- 02/2011/QH13, ngày 11/11/2011 của Quốc hội	- Hiệu lực ngày 01/7/2012
	- Luật Tố cáo ngày 12/6/2018;	- 25/2018/QH14, ngày 12/6/2018 của Quốc hội	- Hiệu lực ngày 01/01/2019
	- Nghị định 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019;	- 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ	- Hiệu lực ngày 28/5/2019
	- Nghị định 124/2020/NĐCP ngày 19/10/2020;	- 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ	- Hiệu lực ngày 10/12/2020
	- Thông tư 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021;	05/2021/TT-TTTP ngày	- Hiệu lực ngày 15/11/2021

		01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ	

*Danh mục tài liệu tại I có thể được tổ chức tích hợp để kiểm soát trong các Biểu mẫu thích hợp khác do CQHCCN tự cải tiến, điều chỉnh (nhưng vẫn đảm bảo bằng chứng kiểm soát được nội dung này)*

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Võ Sĩ**

**NGƯỜI LẬP**



**Nguyễn Thọ Tường**



**DANH MỤC HỒ SƠ**  
**Tại đơn vị: Thanh tra Sở Năm 2023**

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
<b>I/</b>	<b>HTQLCL</b>	<b>HỒ SƠ VẬN HÀNH, ÁP DỤNG HTQLCL</b>	<b>03 năm</b>	<b>Thư ký ISO</b>	<b>Thư ký ISO</b>	<b>Ghi nơi lưu giữ</b>
<b>1</b>	<b>ĐGNB</b>	<b>Hồ sơ ĐGNB</b>		<b>nt</b>	<b>nt</b>	<b>nt</b>
a		Chương trình đánh giá				
b		Kế hoạch đánh giá				
c		Phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá				
d		Báo cáo đánh giá tại từng đơn vị				
<b>2</b>	<b>QLRR</b>	<b>Hồ sơ quản lý rủi ro</b>		<b>nt</b>		
a		Bảng nhận diện, đánh giá, hành động giải quyết rủi ro và cơ hội				
b		Kế hoạch giải quyết rủi ro và cơ hội				
<b>3</b>	<b>MTCL</b>	<b>Hồ sơ mục tiêu chất lượng</b>				
a		Báo cáo thực hiện mục tiêu chất lượng 2022				
b		Kế hoạch thực hiện MTCL				
<b>4</b>	<b>HS19</b>	<b>Hồ sơ theo yêu cầu của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg</b>	<b>03 năm</b>	<b>Thư ký ISO</b>		
a		Kế hoạch vận hành, duy trì áp dụng HTQLCL				
b		Kiến toàn Ban chỉ đạo ISO				
c		Quyết định công bố				

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
		HTQLCL				
II/		<b>HỒ SƠ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH</b>				
		<b>Không có</b>				
III/	A	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC PHỤC HỒI DANH DỰ (LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC)</b>	15 năm		<b>Thanh tra Sở hoặc Phòng chuyên môn</b>	<b>Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo quy định hiện hành</b>
1		Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ; hoặc phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; hoặc giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.		Bộ phận 1 cửa		
2		Văn bản đề nghị đăng nội dung xin lỗi và cải chính công khai trong 3 số liên tiếp trên Báo Khánh Hòa; đăng nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng TTĐT của cơ quan (nếu có); Văn bản gửi UBND cấp xã đề nghị phối hợp niêm yết tờ báo		Thanh tra Sở hoặc Phòng chuyên môn		
IV/	B	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC GIẢI QUYẾT YÊU CẦU BỒI</b>	15 năm		<b>Thanh tra Sở hoặc</b>	<b>Kết thúc năm công việc, tạo</b>

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
		<b>THƯỜNG TẠI CƠ QUAN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ GÂY THIẾT HẠI (LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC)</b>			<b>Phòng chuyên môn</b>	<b>lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo quy định hiện hành</b>
1		Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ; hoặc phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; hoặc giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.		Bộ phận 1 cửa		
		Thông báo việc thụ lý hoặc không thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường; quyết định cử người giải quyết bồi thường (nếu thụ lý hồ sơ); hoặc thông báo việc bổ sung hồ sơ yêu cầu bồi thường.		Thanh tra Sở hoặc Phòng chuyên môn		
		Báo cáo xác định giá trị các thiệt hại. Đề xuất tạm ứng kinh phí bồi thường. Văn bản phê duyệt đề xuất tạm ứng kinh phí hoặc văn bản chuyển STC đề nghị cấp bổ sung kinh phí. Văn bản đồng ý cấp kinh phí hoặc đồng ý cấp ứng kinh phí.				
		Báo cáo công tác chuẩn bị thương lượng việc bồi thường; Văn bản phê duyệt phương án thương lượng;				

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
		Giấy mời tham dự buổi thương lượng.				
		Biên bản thương lượng; quyết định giải quyết bồi thường hoặc Biên bản thương lượng không thành.				
V/	C	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN</b>	15 năm		<b>Thanh tra Sở</b>	<b>Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo quy định hiện hành</b>
<i>Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết</i>						
1		Biên bản tiếp nhận hồ sơ, thông tin, tài liệu (nếu cần thiết)		Thanh tra Sở		
2		Phiếu đề xuất thụ lý đơn đã được lãnh đạo duyệt		Thanh tra Sở		
<i>Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết</i>						
1		Biên bản tiếp nhận hồ sơ, thông tin, tài liệu (nếu cần thiết)		Thanh tra Sở		
2		Văn bản hướng dẫn gửi đơn hoặc chuyển đơn		Thanh tra Sở		
<i>Trường hợp từ chối tiếp công dân</i>						
1		Biên bản tiếp nhận hồ sơ, thông tin, tài liệu (nếu cần thiết)		Thanh tra Sở		

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
2		Thông báo từ chối tiếp công dân		Thanh tra Sở		
VI/	D	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU TẠI CẤP TỈNH</b>	15 năm		Thanh tra Sở	Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo quy định hiện hành
1		Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		Thanh tra Sở		
2		Thông báo thụ lý, quyết định thành lập Tổ xác minh; kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại; biên bản làm việc, biên bản giao nhận, tiếp nhận thông tin, tài liệu; Quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại (nếu có); báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; Biên bản tổ chức đối thoại (nếu có)		Thanh tra Sở		
3		Quyết định giải quyết khiếu nại; văn bản thông báo, xử lý, kiến nghị trong quá trình giải quyết khiếu nại.		Thanh tra Sở		
VII/	E	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN HAI TẠI CẤP TỈNH</b>	15 năm		Thanh tra Sở	Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
						chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo quy định hiện hành
1		Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		Thanh tra Sở		
2		Thông báo thụ lý, quyết định thành lập Tổ xác minh; kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại; biên bản làm việc, biên bản giao nhận, tiếp nhận thông tin, tài liệu; Quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại (nếu có); báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; biên bản họp Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại lần hai; Biên bản tổ chức đối thoại.		Thanh tra Sở		
3		Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; văn bản thông báo, xử lý, kiến nghị trong quá trình giải quyết khiếu nại.		Thanh tra Sở		
VIII/	F	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TẠI CẤP TỈNH</b>	15 năm		Thanh tra Sở	Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo

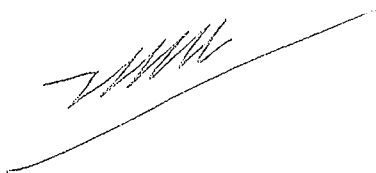
TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
						quy định hiện hành
1		Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo		Thanh tra Sở		
2		Quyết định thụ lý tố cáo; văn bản giao xác minh nội dung tố cáo; Biên bản xác minh; kết quả giám định, thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh; Văn bản giải trình của người bị tố cáo; biên bản làm việc với người bị tố cáo về nội dung giải trình; Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trong trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho người khác tiến hành xác minh nội dung tố cáo; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo; quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo;		Thanh tra Sở		
3		Quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo, văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý		Thanh tra Sở		
IX/	G	<b>HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN TẠI CẤP TỈNH</b>	15 năm		Thanh tra Sở	Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu

TT	Số và ký hiệu hồ sơ	Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Trách nhiệm lưu giữ	Ghi chú
						trữ theo quy định hiện hành
1		Đơn khiếu nại (kèm tài liệu)		Thanh tra Sở		
2		Văn bản hướng dẫn, chuyển đơn, trả lời, thụ lý KN, TC hoặc xử lý lưu đơn		Thanh tra Sở		

Mỗi đơn vị/CBCCVCLĐ căn cứ vào nhiệm vụ được giao để lập danh mục hồ sơ có các tên đề mục và tiêu đề hồ sơ thích hợp

Kết thúc năm công việc, tạo lập hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Kho lưu trữ để lưu trữ theo quy định hiện hành

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Võ Sĩ**

**NGƯỜI LẬP**



**Nguyễn Thọ Tường**